

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THẾ GIỚI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---**

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh
Quý III/2016

TP.HCM, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

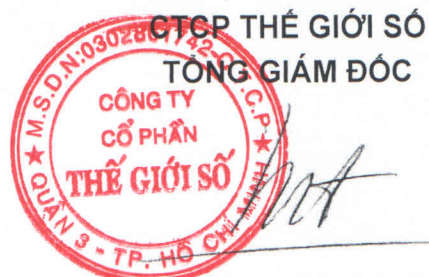
Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2016 của Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty lập ngày 18 tháng 10 năm 2016. Công ty giải thích nguyên nhân một số chỉ tiêu năm 2016 và năm 2015 giảm cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2016	Quý III năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Doanh thu thuần	1.040.331.185.693	1.166.618.327.419	(11%)	Do thị trường máy tính sụt giảm

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu BĐH.



Đoàn Hồng Việt

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 30 tháng 09 năm 2016



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,215,404,620,719	1,171,265,320,514
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		167,654,664,773	31,668,848,074
1. Tiền	111		167,654,664,773	31,668,848,074
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,900,000,000	4,900,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh do	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4,900,000,000	4,900,000,000
III. Các khoản phải thu	130		442,673,394,493	348,987,791,367
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		395,441,098,478	317,246,505,287
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53,721,233,526	18,087,773,476
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2,197,605,345	22,340,055,496
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8,690,849,291)	(8,690,849,291)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,306,435	4,306,399
IV. Hàng tồn kho	140		496,976,542,822	669,576,016,876
1. Hàng tồn kho	141		496,976,542,822	669,576,016,876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103,200,018,631	116,132,664,197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8,902,646,901	16,334,943,484
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		94,196,678,167	99,797,720,713
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nư	154		100,693,563	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính p	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88,860,740,681	84,243,052,475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,323,780,000	2,324,220,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,323,780,000	2,324,220,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85,901,263,360	81,294,875,482
1. Tài sản cố định hữu hình	221		29,009,799,692	24,258,940,592
<i>Nguyên giá</i>	222		49,671,044,218	42,176,019,795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20,661,244,526)	(17,917,079,203)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		56,891,463,668	57,035,934,890
<i>Nguyên giá</i>	228		58,509,622,898	58,509,622,898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,618,159,230)	(1,473,688,008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao, mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài h.	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		635,697,321	623,956,993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		635,697,321	623,956,993
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,304,265,361,400	1,255,508,372,989

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

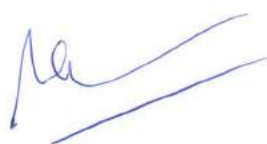
Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		685,443,551,608	646,964,119,066
I. Nợ ngắn hạn	310		681,423,121,730	619,269,346,188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		195,553,497,384	153,198,530,675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11,448,239,662	3,962,290,337
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		6,300,690,130	5,872,403,433
4. Phải trả người lao động	314		16,752,851,746	15,787,426,704
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		71,150,000	1,871,363,656
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng :	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		19,573,081,916	15,670,346,860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		431,723,610,893	422,906,984,523
II. Nợ dài hạn	320		4,020,429,878	27,694,772,878
7. Phải trả dài hạn khác	337		4,020,429,878	4,794,772,878
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	22,900,000,000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		618,821,809,792	608,544,253,923
I. Vốn chủ sở hữu	410		618,821,809,792	608,544,253,923
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306,133,290,000	306,133,290,000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306,133,290,000	306,133,290,000
3. - Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Thặng dư vốn cổ phần	412		152,617,941,416	152,617,941,416
7. Cổ phiếu, quỹ	415		(6,272,937,166)	(6,272,937,166)
10. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
13. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		165,943,515,542	155,665,959,673
14. - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này	421a		109,973,169,673	52,095,022,236
15. - LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55,970,345,869	103,570,937,437
16. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
17. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,304,265,361,400	1,255,508,372,989



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,050,062,545,793	1,178,593,478,212	2,823,631,827,490	3,287,818,811,524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(9,731,360,100)	(11,975,150,793)	(32,201,902,082)	(29,077,999,319)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,040,331,185,693	1,166,618,327,419	2,791,429,925,408	3,258,740,812,205
4. Giá vốn hàng bán	11		(982,485,673,115)	(1,111,477,304,859)	(2,620,200,216,707)	(3,057,533,549,578)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57,845,512,578	55,141,022,560	171,229,708,701	201,207,262,627
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5,210,805,448	5,407,903,172	13,828,316,874	8,438,362,850
7. Chi phí tài chính	22		(4,041,090,286)	(10,796,460,462)	(18,910,625,343)	(33,490,240,983)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(3,860,563,611)	(3,467,135,688)	(18,036,850,094)	(17,720,772,790)
8. Chi phí bán hàng	24		(15,443,851,968)	(4,789,506,591)	(58,291,498,781)	(41,446,205,122)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(14,514,050,319)	(11,827,954,827)	(39,120,428,843)	(29,871,970,321)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,057,325,453	33,135,003,852	68,735,472,608	104,837,209,051
11. Thu nhập khác	31		1,280,586,955	239,440,608	2,920,780,432	5,992,293,922
12. Chi phí khác	32		(470,003,748)	(317,446,439)	(1,263,146,766)	(981,187,548)
13. Lợi nhuận khác	40		810,583,207	(78,005,831)	1,657,633,666	5,011,106,374
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29,867,908,660	33,056,998,021	70,393,106,274	109,848,315,425
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		(6,097,576,452)	(7,272,539,565)	(14,422,760,405)	(24,323,939,804)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23,770,332,208</u>	<u>25,784,458,456</u>	<u>55,970,345,869</u>	<u>85,524,375,621</u>
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60		<u>23,770,332,208</u>	<u>25,784,458,456</u>	<u>55,970,345,869</u>	<u>85,524,375,621</u>
Trong đó: Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ			23,770,332,208	25,784,458,456	55,970,345,869	85,524,375,621
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	70				<u>1,837</u>	<u>2,842</u>

Vũ Thị Mai Hân
 Người lập biểu

Võ Xuân Huy
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TPHCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ nay	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70,393,106,274	109,848,315,425
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,888,636,545	2,411,043,301
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		18,036,850,094	17,720,772,790
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		91,318,592,913	129,980,131,516
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90,354,112,903)	66,386,432,642
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		172,599,474,054	(204,458,207,805)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		41,102,815,937	312,470,282,708
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7,420,556,255	(20,052,190,736)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18,913,815,073)	(18,484,887,678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14,016,506,431)	(28,933,101,180)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		189,157,004,752	236,908,459,467
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7,495,024,423)	(1,020,443,160)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,495,024,423)	(1,020,443,160)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số		
		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	193,646,400,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,944,208,149,232	2,050,416,901,836
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,935,391,522,862)	(2,424,202,695,607)
5. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(54,492,790,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45,676,163,630)	(180,139,393,771)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	135,985,816,699	55,748,622,536
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 31,668,848,074	68,267,019,973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 167,654,664,773	124,015,642,509



Vũ Thị Mai Hân
 Người lập biểu



Võ Xuân Huy
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyên giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 445 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

- Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("DV")

DV là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313309149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015. DV có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("DT")

DT là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313318520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2015. DT có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Công ty TNHH Một thành viên M360.VN ("M360")

M360 là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313331063 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 7 năm 2015, tên trước đây của M360 là Công ty TNHH Một thành viên Wiko Việt Nam. M360 có trụ sở chính tại Lầu 10, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	244.252.803	250.379.529
Tiền gửi ngân hàng	167.410.411.970	31.418.468.545
TỔNG CỘNG	167.654.664.773	31.668.848.074

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 4% một năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	54.459.355.959	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Viễn Thông A	14.816.636.639	42.380.556.897
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	16.165.934.497	8.814.798.145
Khác	309.999.171.383	211.845.860.720
TỔNG CỘNG	395.441.098.478	317.246.505.287
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.690.849.291)	(8.690.849.291)
GIÁ TRỊ THUẦN	386.750.249.187	308.555.655.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
INVESIA INTERNATIONAL LTD.	-	11.319.444.647
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	32.874.099.492	-
GOLDEN CHINA INTERNATIONAL COMPANY	6.167.554.758	-
PLUS ONE MARKETING LTD.	12.619.217.604	-
Khác	2.060.361.672	6.768.328.829
TỔNG CỘNG	<u>53.721.233.526</u>	<u>18.087.773.476</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	90.097.355	21.063.313.377
Tam ứng cho nhân viên	564.881.801	411.802.147
Khác	1.527.996.189	864.939.972
	<u>2.197.605.345</u>	<u>22.340.055.496</u>
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	2.323.780.000	2.324.220.000
Trong đó:		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	4.521.385.345	24.664.275.496

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	459.548.377.842	614.963.940.334
Hàng mua đang đi đường	20.632.656.076	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	15.842.367.717	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	953.141.187	618.151.545
TỔNG CỘNG	<u>496.976.542.822</u>	<u>669.576.016.876</u>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16. Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	7.788.774.740	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	1.113.872.161	1.486.003.205
TỔNG CỘNG	<u>8.902.646.901</u>	<u>16.334.943.484</u>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.168.616.525	16.059.938.106	2.764.284.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	7.495.024.423	-	7.495.024.423
Số cuối kỳ	<u>21.183.180.735</u>	<u>2.168.616.525</u>	<u>23.554.962.529</u>	<u>2.764.284.429</u>	<u>49.671.044.218</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(5.388.056.314)	(727.597.615)	(9.083.068.711)	(2.718.356.563)	(17.917.079.203)
Khấu hao trong kỳ	(640.203.822)	(311.462.129)	(1.780.045.798)	(12.453.574)	(2.744.165.323)
Số cuối kỳ	<u>(6.028.260.136)</u>	<u>(1.039.059.744)</u>	<u>(10.863.114.509)</u>	<u>(2.730.810.137)</u>	<u>(20.661.244.526)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>15.795.124.421</u>	<u>1.418.318.910</u>	<u>6.976.869.395</u>	<u>68.627.866</u>	<u>24.258.940.592</u>
Số cuối kỳ	<u>15.154.920.599</u>	<u>1.129.556.781</u>	<u>12.691.848.020</u>	<u>33.474.292</u>	<u>29.009.799.692</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối kỳ	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
<i>Trong đó:</i>			
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)
Hao mòn trong kỳ	-	(144.471.222)	(144.471.222)
Số cuối kỳ	-	(1.618.159.230)	(1.618.159.230)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890
Số cuối kỳ	56.550.000.000	341.463.668	56.891.463.668

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Asus Global Pte. Ltd.	115.620.900.646	30.185.973.198
Dell Global B.V (Singapore Branch)	12.598.459.696	21.831.158.500
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	25.996.206.788	43.288.643.718
Khác	41.337.930.254	57.892.755.259
TỔNG CỘNG	195.553.497.384	153.198.530.675

12.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Intel Technology Sdn. Bhd.	1.450.874.996	-
Vision Best Holdings Limited	3.760.054.645	-
Mega Alliance Holdings Limited	3.916.659.490	-
Khác	2.320.650.531	3.962.290.337
TỔNG CỘNG	11.448.239.662	3.962.290.337

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24)	5.460.325.068	14.422.760.405	(14.016.506.431)	5.866.579.042
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	5.015.515.278	(4.991.453.826)	333.417.525
TỔNG CỘNG	<u>5.769.681.141</u>	<u>19.438.275.683</u>	<u>(19.007.960.257)</u>	<u>6.199.996.567</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay	-	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	71.150.000	279.880.741
TỔNG CỘNG	<u>71.150.000</u>	<u>1.871.363.656</u>

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	-	8.800.000.000
Chi trả hộ	1.789.171.528	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm, Công Đoàn	1.817.513.149	840.826.059
Khác	15.966.397.239	118.181.818
	<u>19.573.081.916</u>	<u>15.670.346.860</u>
Dài hạn		
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược	3.259.999.999	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	<u>4.020.429.878</u>	<u>4.794.772.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

16. VAY

	31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND 30 tháng 9 năm 2016
Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	417.306.984.523	1.944.208.149.232	(1.929.791.522.862)	431.723.610.893
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	-
	<u>422.906.984.523</u>	<u>1.944.208.149.232</u>	<u>(1.935.391.522.862)</u>	<u>431.723.610.893</u>
Dài hạn				
Vay ngắn hạn	22.900.000.000	-	(22.900.000.000)	-
TỔNG CỘNG	<u>445.806.984.523</u>	<u>1.944.208.149.232</u>	<u>(1.958.291.522.862)</u>	<u>431.723.610.893</u>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	203.000.000.000	Từ 28 tháng 07 năm 2016 đến 27 tháng 12 năm 2016	Từ 3,5 đến 3,9	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	228.723.610.893	Từ 13 tháng 07 năm 2016 đến 29 tháng 12 năm 2016	Từ 3,5 đến 3,9	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
	<u>431.723.610.893</u>			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

						VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.570.937.437	103.570.937.437
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.665.959.673</u>	<u>608.544.253.923</u>
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.665.959.673	608.544.253.923
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	55.970.345.869	55.970.345.869
Số cuối kỳ	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>165.943.515.542</u>	<u>618.821.809.792</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

17. **VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

17.2 **Chi tiết vốn cổ phần đã góp:**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Created Future	114.400.000.000	37.56	114.400.000.000	37.56
PYN Fund Management Ltd	30.426.310.000	9.99	30.626.310.000	10.05
Probus Opportunities	16.461.660.000	5.40	-	0.00
Bà Đặng Kiên Phương	17.327.050.000	5.69	17.327.050.000	5.69
Ông Đoàn Anh Quân	14.071.200.000	4.62	14.071.200.000	4.62
Ông Đoàn Hồng Việt	13.977.730.000	4.59	13.977.730.000	4.59
Bà Tô Hồng Trang	10.586.290.000	3.48	10.586.290.000	3.48
Các cổ đông khác	87.368.360.000	28.68	103.630.020.000	34.02
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		1.514.690.000	
TỔNG CỘNG	306.133.290.000	100,00	306.133.290.000	100,00

17.3 **Cổ tức**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã trả trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	-
Cổ tức đã trả bằng tiền	54.492.790.000	-

17.4 **Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	30.461.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016



18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
		Kỳ trước
Tổng doanh thu:		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	2.823.631.827.490	3.287.818.811.524
Trừ:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(32.201.902.082)	(29.077.999.319)
	2.791.429.925.408	3.258.740.812.205

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
		Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	260.396.604	325.953.281
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.673.972.193	6.231.835.150
Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.893.948.077	1.837.988.676
Khác	-	42.585.743
TỔNG CỘNG	13.828.316.874	8.438.362.850

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
		Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	2.620.200.216.707	3.057.533.549.578

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
		VND
		Kỳ trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	39.818.968.957	25.792.830.536
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.327.935.536	10.193.238.587
Chi phí bằng tiền khác	6.037.617.989	3.503.894.579
Khác	3.106.976.299	1.956.241.420
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	21.737.477.707	16.215.496.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.350.536.621	6.515.664.938
Chi phí bằng tiền khác	3.385.308.801	1.961.635.733
Khác	6.647.105.714	5.179.173.083
TỔNG CỘNG	97.411.927.624	71.318.175.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	18.036.850.094	17.720.772.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	593.421.722	9.140.334.036
Chiết khấu thanh toán	280.353.527	6.629.134.157
TỔNG CỘNG	18.910.625.343	33.490.240.983

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác		
Thu nhập từ hãng hỗ trợ	-	3.543.439.135
Khác	2.920.780.432	2.448.854.787
Chi phí khác	(1.263.146.766)	(981.187.548)
THU NHẬP THUẦN	1.657.633.666	5.011.106.374

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá mua hàng hóa	2.628.262.472.107	3.060.589.751.110
Chi phí nhân công	61.556.446.664	42.008.327.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.678.472.157	16.708.903.525
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.888.636.545	2.411.043.301
Chi phí khác	9.422.926.790	7.382.307.504
TỔNG CỘNG	2.718.808.954.263	3.129.100.332.543

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	70.393.106.274	109.848.315.425
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	1.347.173.740	714.489.468
Lỗ của công ty con	(373.522.011)	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	-	(3.543.439.135)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	71.366.758.003	107.019.365.758
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	14.422.760.405	23.544.260.467
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	779.679.337
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	14.422.760.405	24.323.939.804
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	5.460.325.068	11.881.823.497
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(14.016.506.431)	28.933.101.180
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	5.866.579.042	7.272.662.121

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	-	8.800.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	
	<i>Kỳ nay</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lương và thưởng	2.610.432.450	2.430.587.754

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016



phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	55.970.345.869	85.524.375.621
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	30.461.860	30.092.828
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.837	2.842

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm nay và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. CÁC CAM KẾT

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dưới 1 năm	6.027.806.352	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm	6.991.756.968	3.744.000.000
TỔNG CỘNG	13.019.563.320	6.901.929.876

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.






Vũ Thị Mai Hân Võ Xuân Huy Đoàn Hồng Việt
 Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 10 năm 2016